TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 108/2019/HS-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 103/2019/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Giang T, sinh ngày 13/9/1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 21, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở: Tổ dân phố V, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: N; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12 ; con ông Trần Huy T1 và bà Vũ Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Duy N, sinh ngày 08/8/1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: N; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Duy T3 và bà Nguyễn Thị T6; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến nay (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:**

- Chị Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/6/2003; nơi cư trú: Thôn N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị Linh: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 và bà Trần Thị S, sinh năm 1984 (bố mẹ đẻ chị L); nơi cư trú: Thôn N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Chị Lý Thị T5, sinh ngày 10/7/2001; nơi cư trú: Thôn 7, , xã NS, huyện

H, tỉnh Hà Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị T5: Ông Lý Kim P, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1978 (bố mẹ đẻ chị T5); nơi cư trú: thôn L, xã NS, huyện H, tỉnh Hà Giang (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm Đ, xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Trần Huy T4, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 21, phường HT, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 05 phút, ngày 29/11/2018, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý công an thành phố V phối hợp Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố V tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh karaoke Hà Tiên thuộc khu đô thị HT, phường L, thành phố V phát hiện trong phòng Vip 202 có Nguyễn Duy N, Trần Giang T, Nguyễn Khánh L, Lý Thị T5 có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma tý. Cơ quan điều tra xét nghiệm nước tiểu xác định các đối tượng Lý Thị T5, Nguyễn Khánh L, Trần Giang T và Nguyễn Duy N đều dương tính với chất gây nghiện Ketamine.

Tại cơ quan điều tra, Trần Giang T, Nguyễn Duy N, Nguyễn Khánh L, Lý Thị T5 đã khai nhận:

Khoảng 20 giờ, ngày 28/11/2018, Trần Giang T đang ở một mình tại Quán mua bán mô tô xe máy MP có nhắn tin qua ứng dụng Messenger của mạng xã hội Facebook rủ Nguyễn Khánh L đi hát karaoke và "bay" (ý là đi sử dụng ma túy) tại Quán karaoke HT, L hiểu và đồng ý, hẹn T tại quán karaoke HT lúc 21 giờ 30 phút. Trong khi đang nhắn tin với Linh thì Nguyễn Duy N đến quán MP chơi. T rủ N đi hát karaoke và sử dụng ma tuý cùng T và Linh. N biết Linh là bạn gái của T nên đồng ý và thoả thuận phân công T mang ma tuý đi sử dụng, N thuê và trả tiền phòng hát, rồi cả hai bắt xe taxi đến Quán karaoke HT. Trên đường đi, N gọi điện thoại cho anh Vũ Văn H (chủ quán karaoke HT) để đặt phòng hát. Khi N và T đến sảnh quán Karaoke HT thì thấy Linh đang ngồi chờ trong quán. Sau đó, N đến quầy lễ tân gặp anh Quách Văn Th, anh Thanh đưa N, T và L đi lên phòng VIP 202. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T lấy 01 gói ma túy loại Ketamine đưa cho N, N cầm gói ma túy rồi gọi anh Th mang cho 01 đĩa sứ màu trắng và 01 thẻ nhựa kích thước (5x8)cm. N lấy gói ma túy đổ vào đĩa sứ rồi lấy bật lửa đốt dưới đáy đĩa và dùng mảnh nhựa để đảo ma túy Ketamine rồi kẻ thành nhiều đường (gọi là "xào ke"). T lấy tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000đ cuốn thành ống hút tự chế rồi đưa cho N để sử dụng ma túy. Sau khi N sử dụng ma túy xong thì gọi T và Linh đến để sử dụng ma tuý. Lần lượt T và L thay nhau sử dụng trái phép chất ma tuý

bằng hình thức hít vào cơ thể. Đến khoảng 00 giờ ngày 29/11/2018, N nhờ anh Thanh gọi Lý Thị T5 (nhân viên quán hát) vào để phục vụ rót bia và chọn bài hát. Khi T5 vào phòng VIP 202, N đưa ống hút và rủ T5 cùng sử dụng ma túy, T5 cầm ống hút và sử dụng ma túy Ketamine trên đĩa sứ bằng hình thức hít vào cơ thể. Sáu đó T, N, L, T5 cùng hát, nhảy và sử dụng ma tuý đến khi bị phát hiện và bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 25cm, trên mặt đĩa sứ có bám dính các hạt tinh thể màu trắng (các đối tượng khai nhận đây là ma túy Ketamine), 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 100.000đ; 01 mảnh nhựa cứng hình chữ nhật. Tổ công tác tiến hành niêm phong ký hiệu A1.

Về nguồn gốc ma túy, Trần Giang T khai nhận: Khoảng tháng 5 năm 2018, T đến làm thuê ở quán mua bán xe ô tô MP, địa chỉ tại thôn V, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, do Phùng Văn M (sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố HL, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc) là chủ. M giao cho T quản lý, trông coi quán mua bán ô tô và giao ma tuý cho T bán cho các đối tượng nghiện. Ngày 22/11/2018 tại quán mua bán xe ô tô MP, M đưa cho T 30 viên ma tuý "Kẹo" (*ma tuý tổng hợp dạng viên nén có chứa hỗn hợp ma tuý MDMA và Ketamine*), 20 túi ma tuý "Ke" (*ma tuý tổng hợp dạng tinh thể màu trắng loại Ketamine*), mỗi túi chứa "nửa chỉ ma tuý Ke" (khoảng 0,5g ma tuý Ketamine). Sáng ngày 23/11/2018, Minh đưa thêm cho T 45 viên ma tuý "Kẹo" và 05 chỉ Ke (*tức 10 túi ma tuý "Ke"*). Tổng là 75 viên ma tuý "*Kẹo*" và 30 túi ma tuý "*Ke*" và dặn T nếu ai hỏi mua thì bán 2.000.000đ/1 túi ma tuý "*Ke*" và 400.000đ/1 viên ma tuý "*Kẹo*". T đồng ý và cất số ma tuý này ở trên nóc phòng vệ sinh của quán MP.

Tại cơ quan điều tra, Trần Giang T và Nguyễn Duy N còn khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 27/11/2018, khi N đang ở cửa hàng thì N đến hỏi mua 01 gói ma tuý "Ke" và 02 viên ma tuý "Kẹo" với giá 2.800.000đ và bảo nợ tiền. T đồng ý và lấy số ma tuý trên giao cho N. Sau khi mua được ma tuý, N rủ T đi đến quán karaoke HT để hát và sử dụng trái phép chất ma tuý. Tại quán HT, N thuê phòng VIP 202 để hát karaoke và cùng T sử dụng hết số ma tuý. Đến ngày 28/11/2018, T dùng tài khoản facebook BT (là tài khoản của T) nhắn tin đến tài khoản facebook MP (là tài khoản của M) để báo cho M biết về việc N mua ma tuý vào ngày 27/11/2018 và nợ tiền. Quá trình điều tra T khai nhận đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (đã bị cơ quan điều tra thu giữ) lắp sim số 0354046788 để liên lạc vào số 0917839686 của M. Còn việc trao đổi mua bán ma tuý thì T sử dụng nick facebook "BT" để nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến nick facebook "MP" của M.

Ngoài ra, Trần Giang T còn khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 13 phút ngày 22/11/2018, M nhắn tin bảo T đem ma tuý đến nút giao IC9 thuộc cao tốc Nội Bài – Lào Cai bán cho một đối tượng tên H số lượng 10 viên ma tuý "Kẹo" và 01 gói ma tuý "Ke" trị giá 6.000.000đ. Sau đó, T liên lạc với H theo số điện thoại mà M

gửi qua tin nhắn Messenger của Facebook (số điện thoại 0963250144) và đem ma tuý đến giao còn tiền H giao nhận trực tiếp với M. Ngoài ra, tại quán MP, T bán cho một đối tượng tên "Cối" 11 viên ma tuý "Kẹo" và 01 gói ma tuý "Ke" và bán cho một số đối tượng nghiện mua lẻ. Người tên H, Cối và những người mua ma tuý lẻ T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể là gì. Sau đó T đưa lại cho M 30 viên ma tuý "kẹo" và 10 túi ma tuý "Ke" và sử dụng một ít cho bản thân. Số ma tuý còn lại bao gồm 15 túi ma tuý "Ke" và 02 túi nilon chứa các viên ma tuý "Kẹo" bị vỡ vụn có màu vàng, xanh, T đựng trong một hộp nhựa và cất giấu trên nóc phòng vệ sinh của quán MP, mục đích khi có ai hỏi mua thì bán kiếm lời.

Khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Trần Giang T tại V, phường K, thành phố V. Cơ quan Công an tiến hành tạm giữ: 01 xe máy BKS: 88G1-351.84 nhãn hiệu Lead; 01 xe máy BKS 22H2-2665 nhãn hiệu Dream; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy N (bản phô tô); thu giữ trên nắp trần nhà vệ sinh 01 hộp nhựa bên trong có 15 gói nilon chứa tinh thể dạng đá màu trắng (*niêm phong bì thư ký hiệu A2*); 02 túi nilon bên trong đều chứa các mảnh viên nén và chất bột có màu vàng, xanh (*niêm phong bì thư ký hiệu A3*); 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Giang T (*bản phô tô*); 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer màu đen đã cũ và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu bạc đã cũ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ; tạm giữ bên trong két sắt ở góc phòng có 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 19A80012610558 do Phòng kế hoạch tài chính, thành phố V cấp mang tên Phùng Văn M và 01 hợp đồng thuê nhà.

Ngày 29/11/2018, Công an thành phố V tiến hành tạm giữ của Trần Giang T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.

Ngày 29/11/2018, Công an thành phố V đã tiến hành kiểm tra lịch sử cuộc gọi đi đến, tin nhắn đi đến từ số 0354046788 đến số 091739686 và thông tin dữ liệu tin nhắn Messenger của facebook "*BT*" đến facebook "*MP*" và facebook "*Nguyễn Khánh L*" còn lưu trong điện thoại Iphone6 thu giữ của T. Qua kiểm tra nhận thấy có sự việc T nhắn tin rủ L đến quán karaoke HT như T khai báo trên và việc T nhắn tin cho M trao đổi việc N hỏi mua ma tuý. Tuy nhiên, thời gian thể hiện trong tin nhắn gửi cho M việc mua bán ma tuý giữa T và N là ngày 28/11/2018, không phải là 27/11/2018 như T và N khai nhận. Ngày 11/01/2019, Công an thành phố V tiến hành ghi âm, ghi hình lời khai của T. Trong lời khai, T thừa nhận việc bán ma tuý cho N vào ngày 27/11/2018, nhưng do đi chơi cùng N nên T đã không nhắn tin cho M biết việc mua bán này. Lo sợ bị M khiển trách nên ngày 28/11/2018, T nhắn tin cho M việc bán ma tuý cho N như nội dung đã thể hiện trong tin nhắn.

Tại kết luận giám định số 1804/KLGĐ ngày 04/12/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Tinh thể màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma tuý, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là*

0,0300g (không phẩy không ba không không gam, không kể bao bì).

Tại kết luận giám định số 6810/C09-TT2 ngày 11/12/2018, Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận:

- Phong bì thư ký hiệu A2: Mẫu tinh thể màu trắng trong 15 gói nilon gửi giám định là ma tuý; Loại: Ketamine; Tổng khối lượng mẫu: 9,859g; Khối lượng Ketamine có trong mẫu là 8,360g.

- Phong bì thư ký hiệu A3:

+ Mẫu có khối lượng là 2,574g: Các mảnh viên nén và chất bột màu vàng, xanh gửi giám định là ma tuý; Loại MDMA và Ketamine; Tổng khối lượng mẫu: 2,574g; Khối lượng MDMA có trong mẫu: 0,738g; Khối lượng Ketamine trong mẫu: Không xác định được (do Ketamine tìm thấy trong mẫu ở dạng vết, dưới ngưỡng định lượng của phương pháp phân tích).

+ Mẫu có tổng khối lượng là 0,758g: Các mảnh viên nén và chất bột màu vàng, xanh gửi giám định là ma tuý; Loại: MDMA và Ketamine; Tổng khối lượng mẫu: 0,758g; Khối lượng MDMA có trong mẫu: 0,123g; Khối lượng Ketamine trong mẫu: 0,003g.

Tổng khối lượng tinh chất ma tuý MDMA có trong mẫu ký hiệu A2, A3 là 0,861g, tương ứng với 17,220%. Tổng khối lượng tinh chất ma tuý Ketamine có trong mẫu ký hiệu A1, A2, A3 là 8,393g tương ứng với 41,965%. Như vậy, tổng khối lượng tinh chất hai chất ma tuý MDMA và Ketamine có trong mẫu ký hiệu A1, A2, A3 là 59,185%.

Trích xuất dữ liệu tin nhắn SMS, lịch sử cuộc gọi đến số 0917839686, tin nhắn Facebook, Messenger đến tài khoản PM, Nguyễn Khánh L; chụp ảnh trang thông tin cá nhân của tài khoản Facebook PM. Tại kết luận giám định số 1845 ngày 13/12/2018, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: "*Điện thoại di động Iphone màu vàng có 627 cuộc gọi trong lịch sử với số thuê bao 0917839686, chụp được 71 ảnh nội dung tin nhắn Facebook messenger đến tài khoản: PM; Nguyễn Khánh L và trang thông tin cá nhân của tài khoản Facebook PM. Nội dung chi tiết được in trong bản ảnh giám định kèm theo kết luận giám định. Thẻ sim lắp trong máy điện thoại gửi giám định không có dữ liệu theo yêu cầu.*

Theo nội dung thể hiện trong bản ảnh giám định:

+ Nội dung tin nhắn Facebook messenger từ tài khoản của Trần Giang T đến tài khoản của Nguyễn Khánh L vào hồi 20 giờ 37 phút ngày 28/11/2018, T có rủ L đến quán karaoke HT để sử dụng ma tuý. L có trả lời đồng ý và cả hai nói chuyện về việc ngày 27/11/2018, Linh có nhìn thấy N sử dụng ma tuý ở quán karaoke HT.

+ Nội dung tin nhắn Facebook messenger từ tài khoản PM của Phùng Văn M đến tài khoản của Trần Giang T vào hồi 20 giờ 13 phút ngày 22/11/2018 thể

hiện: "0963.250.144 em gọi anh H xem, lấy 10 cúc nửa cơm"; *Vào hồi 21 giờ 04 phút ngày 28/11/2019, T có nhắn tin cho M nội dung N hỏi mua "*2 cái kẹo với nửa chỉ ke*".*

Ngày 28/02/2019, Công an thành phố V ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu điện, bưu phẩm số 05 thu giữ thông tin chủ đăng ký thuê bao 0963.250.144 tại Tập đoàn Viễn Thông quân đội Viettel. Ngày 13/3/2019, Tập đoàn Viễn Thông quân đội Viettel đã có công văn phúc đáp nội dung: *Số điện thoại 0963.250.144 là thuê bao trả trước, đăng ký tên: Phan Thanh H, địa chỉ: xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, sinh ngày 05/01/1995, CMTND: 132321010, ngày cấp 29/01/2013 tại Phú Thọ*.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ xác định Phan Thanh H, sinh năm 1995 có hộ khẩu tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại H và gia đình đều đi vắng, không ai có mặt ở địa phương, không xác định được H đi đâu, làm gì.

Tại Cáo trạng số: 101/CT-VKSNDTPVY-VP ngày 12/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Trần Giang T và Nguyễn Duy N về tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Trần Giang T về tội: "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Giang T và Nguyễn Duy N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Khánh L, chị Lý Thị T5 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận như nội dung cáo trạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H, ông Trần Huy T4 tại phiên tòa khai nhận 02 chiếc xe máy là tài sản hợp pháp của mình và cho các bị cáo mượn làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại ông T4, chị H đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Giang T phạm tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" và tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*". Bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*".

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Giang T từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* và 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày tạm giam.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma tuý còn lại sau giám cùng toàn bộ bao gói; tịch thu tiêu huỷ 01 đĩa sứ, 01 mảnh nhựa, 01 bật lửa ga; tịch thu, sung công quỹ Nhà nước tờ tiền mệnh giá 100.000đ; tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Trần Giang T; Trả lại cho Trần Giang T 01 điện thoại Nokia nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 xe máy BKS: 88G1-351.84; ông Trần Huy T4 01 xe máy BKS: 22H2-2665.

Các bị cáo không có bào chữa, tranh luận gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Giang T và Nguyễn Duy N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 28/11/2018, tại phòng VIP 202, Quán karaoke HT thuộc khu đô thị HT, phường L, thành phố V, bị cáo Trần Giang T và bị cáo Nguyễn Duy N có hành vi thuê phòng karaoke để tổ chức cho chị Nguyễn Khánh L (sinh ngày 22/6/2003) và chị Lý Thị T5 (sinh ngày 10/7/2001) cùng các bị cáo và sử dụng trái phép chất ma tuý thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý phối hợp với đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố V phát hiện và bắt giữ.

Quá trình điều tra xác định, ngày 27/11/2018, tại Quán mua bán mô tô xe máy MP thuộc tổ dân phố V, phường K, thành phố V, bị cáo Trần Giang T có hành vi bán cho Nguyễn Duy N 01 gói ma tuý "Ke" và 02 viên ma tuý "Kẹo" với giá 2.800.000đ để N sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 9,859g ma tuý Ketamine và 3,332g ma tuý "Kẹo" là ma tuý tổng hợp chứa thành phần ma tuý Ketamine và MDMA là ma tuý của Phùng Văn M giao cho bị

cáo Trần Giang T bán cho đối tượng nghiện khác.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Giang T đã phạm vào tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" và tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy N đã phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;"

Tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma tuý, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo T còn phạm thêm tội theo khoản 1 Điều 251 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung.

Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt. Tuy nhiên hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo được thực hiện trong vụ án với lỗi cố ý, động cơ là thu lời bất chính, hiện tại trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét đến tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một

phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với các người có liên quan đến vụ án gồm:

Đối với đối tượng tên Hùng mua ma tuý của T vào ngày 22/11/2018, T khai nhận nội dung trên là M nhắn tin chỉ đạo T đi bán ma tuý cho đối tượng tên H tại nút giao IC9 của đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai xác định danh tính chủ thuê bao số điện thoại 0963250144 là Phan Thanh H, sinh năm 1995 có hộ khẩu tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa xác định được H đang ở đâu, không lấy được lời khai của H. Ngoài ra, hành vi trên của bị cáo T trình bày là do sự chỉ đạo của Phùng Văn M, tuy nhiên, hiện nay Cơ quan điều tra chưa bắt được M để điều tra xử lý. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Cối và một số đối tượng T bán ma tuý, do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của các đối tượng này, Phùng Văn M là người chỉ đạo bị cáo T bán ma tuý, hiện chưa bắt được. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Phùng Văn M, quá trình điều tra M đã bỏ trốn. Ngày 24/6/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố V đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, phần có liên quan đến hành vi "Mua bán trái phép chất ma tuý" của Phùng Văn M để tiếp tục truy nã, điều tra, xử lý sau.

Đối với chị Nguyễn Khánh L, chị Lý Thị T5 là người được bị cáo T và bị cáo N tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma tuý. Chị L và chị T5 không có hành vi giúp sức, không liên quan đến hành vi phạm tội của của các bị cáo. Hiện tại L và T5 đi khỏi địa phương, cơ quan điều tra không xác định được L và T5 đi đâu, làm gì, không triệu tập được. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Văn H là chủ của quán karaoke HT, anh H không biết các bị cáo T, N và chị L, chị T5 thuê phòng hát để tổ chức sử dụng trái phép chất ma

tuý. Tuy nhiên, anh H là chủ quán nhưng lơ là trong quản lý, để cho người khác lợi dụng sử dụng ma tuý trong phòng do mình quản lý đã vi phạm quy định tại điểm a, khoản 4 điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình. Ngày 24/6/2019, Công an thành phố V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23 đối với anh Vũ Văn H về hành vi vi phạm trên, hình thức phạt tiền, số tiền 5.000.000đ là phù hợp.

Đối với anh Quách Văn Th là nhân viên lễ tân của quán karaoke HT, được anh H giao nhiệm vụ quản lý, sắp xếp phòng tại quán. Ngày 28/11/2018, anh Th là người xếp phòng, lấy đĩa sứ cùng thẻ nhựa cho N mượn và gọi nhân viên là chị T5 đến phục vụ tại phòng VIP 202. Anh Th không biết các bị cáo T, N và chị L, chị T5 thuê phòng hát để sử dụng trái phép chất ma tuý và không liên quan đến hành vi phạm tội của T và N. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 đĩa sứ, 01 mảnh nhựa, 01 bật lửa ga và số ma tuý còn lại sau giám định bao gồm: Mẫu A1 = 0,0000g; Mẫu A2 = 9,044g Ketamine; mẫu A3 (túi nilon chứa mẫu có khối lượng 2,574g) = 1,960g Ketamine và MDMA; mẫu A3 (túi nilon chữa mẫu có khối lượng 0,758g) = 0,446g Ketamine và MDMA cùng toàn bộ bao gói là vật chứng của vụ án, hiện không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Trần Giang T bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi, tổ chức sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước. Đối với tờ tiền mệnh giá 100.000đ các bị cáo sử dụng làm phương tiện sử dụng chất ma túy cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo T nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe máy Honda Lead BKS: 88G1-351.84, đứng tên chủ sở hữu xe máy là chị Nguyễn Thị H (vợ của bị cáo Nguyễn Duy N) là tài sản do chị lao động tích cóp mà có, là tài sản riêng của chị H, ngày 28/11/2018, bị cáo N mượn xe máy của chị để đi đến quán MP, không sử dụng để đi đến quán karaoke HT. Do vậy, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N. Ngày 10/01/2019, Công an thành phố V đã trả lại cho chị H là phù hợp. Chị H nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với xe máy BKS: 22H2-2665, đứng tên Trần Huy T4 (bố đẻ của bị cáo T). Ông Tường cho bị cáo T mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 28/11/2019, bị cáo T không sử dụng xe máy BKS: 22H2-2665 để đi đến quán karaoke HT, do vậy không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Ngày 10/01/2019, Công an

thành phố V trả lại tài sản là xe máy BKS: 22H2-2665 cho ông T4. Ông T4 nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer màu đen đã cũ và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu bạc đã cũ, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 hợp đồng thuê nhà (bản công chứng). Quá trình điều tra xác định là tài sản của Phùng Văn M, hiện M đang bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tách những vật chứng này chuyển vào hồ sơ vụ án Phùng Văn M phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" để tiếp tục điều tra, xác minh là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Giang T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; buộc bị cáo Trần Giang T chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/11/2018).

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 07 (bảy) năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/11/2018).

3. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma tuý còn lại sau giám định bao gồm: Mẫu A1 = 0,0000g; Mẫu A2 = 9,044g Ketamine; Mẫu A3 (túi nilon chứa mẫu có khối lượng 2,574g) = 1,960g Ketamine và MDMA; Mẫu A3 (túi nilon chữa mẫu có khối lượng 0,758g) = 0,446g Ketamine và MDMA cùng toàn bộ bao gói.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 đĩa sứ, 01 mảnh nhựa, 01 bật lửa ga.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 100.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Trần Giang T.

- Trả lại cho bị cáo Trần Giang T 01 điện thoại Nokia nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(*Đặc điểm như Biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 9 năm 2019*)

4. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Giang T và bị cáo Nguyễn Duy N mỗi bị cáo

phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mầu Văn Mùi